

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về Giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Moruk*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. KT. *lan*



Phạm Văn Trọng



QUY ĐỊNH

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

(Kèm theo Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đối với các nội dung được giao tại khoản 2 Điều 104, khoản 2 Điều 108, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 109, khoản 7 và khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; khoản 3 Điều 4, điểm a và điểm d khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 6 Điều 20, khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24, khoản 8 Điều 27 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai.
- Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.
- Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 3. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai số 31/2024/QH15

- Điều kiện để được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

a) Địa phương có quỹ đất, nhà ở để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.

b) Các loại đất, diện tích thu hồi tối thiểu được quy đổi như sau:

Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác có tổng diện tích thu hồi tối thiểu là 500 m² đối với khu vực xã, 300 m² đối với khu vực phường, thị trấn.

Đất rừng sản xuất có diện tích thu hồi tối thiểu là 5.000 m².

Đất ở; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích thu hồi bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa loại đất ở quy định tại Quyết định quy định điều kiện, diện tích tối thiểu tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Tỷ lệ quy đổi:

a) Đối với trường hợp thu hồi đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác: Bồi thường bằng đất ở, nhà ở; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với tỷ lệ là 20% diện tích đất thu hồi.

b) Đối với trường hợp thu hồi đất rừng sản xuất: Bồi thường bằng đất ở, nhà ở; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với tỷ lệ là 02% diện tích đất thu hồi.

c) Đối với trường hợp thu hồi đất ở; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Bồi thường bằng đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm với tỷ lệ gấp 05 lần diện tích đất thu hồi.

3. Số lượng thửa đất, nhà ở được bồi thường:

a) Đối với trường hợp bồi thường bằng đất ở; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Số lượng thửa đất được bồi thường không quá 02 thửa đất. Diện tích mỗi thửa không thấp hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa loại đất ở quy định tại Quyết định quy định điều kiện, diện tích tối thiểu tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và không lớn hơn hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh;

b) Đối với trường hợp bồi thường bằng đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm: Tổng diện tích đất được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 176 Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

c) Đối với trường hợp bồi thường bằng nhà ở: Số lượng nhà ở được bồi thường không quá 02 căn nhà. Diện tích mỗi căn nhà ở được bồi thường không thấp hơn diện tích tối thiểu về nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng dự án.

Điều 4. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-

CP ngày 15 tháng 7 năm 2024: Bằng 30% theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng đó.

2. Mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024: Bằng 80% giá của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo Quyết định ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 5. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất

Bồi thường chi phí di chuyển tài sản theo Điều 104 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 như sau:

1. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản trong trường hợp không di chuyển chỗ ở: Mức bồi thường theo Quyết định ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản trong trường hợp phải di chuyển chỗ ở:

a) Di chuyển chỗ ở trong phạm vi thửa đất còn lại: 10.000.000 đồng/trường hợp;

b) Di chuyển chỗ ở trong phạm vi trong tỉnh: 13.000.000 đồng/trường hợp;

c) Di chuyển chỗ ở sang tỉnh khác: 15.000.000 đồng/trường hợp.

3. Đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất được bồi thường 100% chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo dự toán.

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng lập dự toán chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt làm căn cứ bồi thường.

Điều 6. Bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất

Bồi thường, hỗ trợ do phải di chuyển mồ mả theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 như sau:

1. Đối với mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời thì được bồi thường các chi phí (đào, bốc, di dời, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp để di dời mồ mả đến vị trí mới) theo mức bồi thường tại Quyết định ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Hỗ trợ đối với trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí với mức 5.000.000 đồng/cái; hỏa táng, lưu giữ tro cốt tại các cơ sở lưu giữ tro cốt với mức 10.000.000 đồng/trường hợp.

Điều 7. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ

Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 như sau:

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi như trái phép, nhưng được bồi thường 100% giá trị chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo Quyết định ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 8. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp chi phí đầu tư vào đất không có hồ sơ, chứng từ chứng minh

Việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 như sau:

1. Đối với đất nông nghiệp:

Trên cơ sở thông tin của người có đất thu hồi cung cấp về chi phí đầu tư vào đất còn lại, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi thực hiện công việc sau:

a) Kiểm tra hiện trạng khu đất; căn cứ hồ sơ địa chính hiện có, các giấy tờ có liên quan để xác định thời hạn sử dụng đất (T1), thời hạn sử dụng đất còn lại (T2), chi phí đầu tư vào đất còn lại (P1, P2, P3, P4); áp dụng phương pháp tính toán chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 làm căn cứ tính bồi thường.

b) Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi đã thực hiện các công việc nêu tại điểm a khoản này, xác định được người có đất thu hồi có chi phí đầu tư đất và đang trong thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định nhưng không có cơ sở để tính toán, xác định được chi phí đầu tư vào đất còn lại (không có tài liệu, bản đồ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến thửa đất cần xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại hoặc có nhưng không thể hiện, thể hiện không đầy đủ, không chính xác các thông tin liên quan để làm cơ sở xem xét, xác định) thì căn cứ hiện trạng, khối lượng thực tế, mục đích sử dụng đất, đơn giá ngày công lao động, đơn giá vật liệu chủ yếu thông dụng trên địa bàn tỉnh tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại để bồi thường.

2. Đối với đất phi nông nghiệp:

a) Chi phí san lấp:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm xác nhận về nguồn gốc, hiện trạng, diện tích đất khi được giao, được thuê.

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và người có đất thu hồi xác định khối lượng san lấp.

Đơn giá bồi thường: Căn cứ Quyết định về việc công bố giá vật liệu chủ yếu thông dụng trên địa bàn tỉnh tại thời điểm Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đối với đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm kiểm kê, lập dự toán chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất làm căn cứ tính bồi thường.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn

Bồi thường thiệt hại đối với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất theo điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 như sau:

1. Mức bồi thường đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không:

a) Đất ở, các loại đất khác cùng thửa đất ở, các loại đất khác có nguồn gốc cùng thửa đất ở và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở: Bằng 80% mức bồi thường khi thu hồi đất cùng loại.

b) Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm: Bằng 60% mức bồi thường khi thu hồi đất cùng loại.

c) Đất rừng sản xuất: Bằng 60% mức bồi thường khi thu hồi đất rừng sản xuất.

d) Trường hợp thửa đất đã được Nhà nước bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, khi thửa đất đó tiếp tục bị ảnh hưởng công trình, dự án phải thu hồi đất thì thửa đất đó chỉ được bồi thường bằng mức chênh lệch giữa giá trị bồi thường tại thời điểm thu hồi đất trừ giá trị đã bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất đã nhận.

2. Việc bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất chưa được quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ phạm vi, mức độ ảnh hưởng do hạn chế khả năng sử dụng đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn do cơ quan chuyên ngành xác định gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua Hội đồng thẩm định các phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thẩm định làm cơ sở

trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức bồi thường cho phù hợp đối với từng dự án cụ thể và điều kiện thực tế tại địa phương.

Điều 10. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất

Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 như sau:

1. Mức hỗ trợ cho mỗi một nhân khẩu: Tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

2. Thời gian hỗ trợ: 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở, 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 12 tháng.

3. Hình thức hỗ trợ: Một lần, bằng tiền tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 11. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất

Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 như sau:

1. Mức hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024:

a) Đối với đất trồng cây hàng năm: 30.000.000 đồng/ha.

b) Đối với đất trồng cây lâu năm: 50.000.000 đồng/ha.

c) Đối với đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối: 40.000.000 đồng/ha;

2. Mức hỗ trợ cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024:

a) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có hạch toán, kê khai theo quy định hoặc nộp thuế khoán:

Trường hợp di dời đi nơi khác: Bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Trường hợp không phải di dời đi nơi khác: Bằng 15% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

b) Hộ gia đình, cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh nhưng có nộp thuế:

Trường hợp di dời đi nơi khác: Bằng 20% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Trường hợp không phải di dời đi nơi khác: Bằng 10% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

c) Trường hợp sản xuất, kinh doanh chưa đủ 03 năm thì tính thu nhập bình quân của thời gian hoạt động.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động, thời gian hỗ trợ 06 tháng đối với hợp đồng lao động có thời gian còn lại từ đủ 06 tháng trở lên, đối với lao động còn thời hạn hợp đồng dưới 06 tháng thì mức hỗ trợ tính theo số tháng thực tế còn lại trong hợp đồng lao động. Mức hỗ trợ ngừng việc theo mức lương tối thiểu vùng.

3. Thời gian chi trả hỗ trợ: một lần, bằng tiền tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 12. Hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn

Hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 như sau:

1. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập hồ sơ dự toán phục vụ hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất đối với phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn khi nhà nước thu hồi đất làm căn cứ tính hỗ trợ.

2. Mức hỗ trợ: Bằng 50% dự toán tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất

1. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá các loại đất do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

2. Việc hỗ trợ theo khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

Điều 14. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi

thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình thì mỗi trường hợp được giao 01 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất theo quy định nhưng tổng số thửa đất được giao tối đa không quá 03 thửa đất.

Điều 15. Hỗ trợ thuê nhà ở trong thời gian chờ bố trí tái định cư

Hỗ trợ thuê nhà ở cho người có đất ở bị thu hồi theo quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, như sau:

1. Trường hợp nhận nền tái định cư:

a) Hộ có từ 01 đến 04 nhân khẩu: 1.500.000 đồng/tháng/hộ;

b) Hộ có trên 05 nhân khẩu: Từ nhân khẩu thứ 05 trở lên, mỗi nhân khẩu được hỗ trợ 500.000 đồng/tháng/người;

c) Thời gian hỗ trợ tính từ lúc bàn giao mặt bằng đến khi nhận được nền tái định cư và thêm 04 tháng xây dựng nhà ở. Thời gian hỗ trợ tối thiểu là 06 tháng.

2. Trường hợp tự lo chỗ ở:

a) Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

b) Thời gian hỗ trợ: 06 tháng.

Điều 16. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài mà lựa chọn hình thức tái định cư bằng tiền, tự lo chỗ ở theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư bằng tiền là: 120.000.000 đồng.

Điều 17. Suất tái định cư tối thiểu

1. Suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở, đất ở: Diện tích đất bằng diện tích tối thiểu được tách thửa, diện tích căn hộ tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho suất tái định cư tối thiểu được tính bằng diện tích đất ở, nhà ở tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này nhân (x) với đơn giá đất ở, nhà ở được bố trí trong khu tái định cư.

Điều 18. Tái định cư đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn đất ở hoặc nhà ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê; trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì được xem xét giao đất ở có

thu tiền sử dụng đất, bán nhà ở như trường hợp thu hồi đất ở. Trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền với mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Quy định này.

Điều 19. Cơ chế thưởng đối với người có đất bị thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn

1. Hộ gia đình, cá nhân, cơ sở tôn giáo, tổ chức hoạt động không sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất (kể cả trường hợp không thu hồi đất nhưng được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng; hiến đất; giao lại đất cho Nhà nước; không thực hiện bồi thường, hỗ trợ về đất nhưng có bồi thường tài sản trên đất) bàn giao mặt bằng trước thời hạn quy định thì được thưởng với mức:

- a) Trường hợp bị ảnh hưởng nhà ở và đất: 8.000.000 đồng/trường hợp.
- b) Trường hợp bị ảnh hưởng nhà ở: 5.000.000 đồng/trường hợp.
- c) Trường hợp bị ảnh hưởng đất; cây trái; hoa màu; vật kiến trúc (không phải là nhà ở) 3.000.000 đồng/trường hợp.

2. Việc hỗ trợ tại khoản 1 Điều này không vượt quá giá trị để tính bồi thường, hỗ trợ (đối với trường hợp hiến đất, giá đất tính theo Bảng giá đất do cơ quan có thẩm quyền quy định). Tiền hỗ trợ chỉ được chi trả sau khi hộ gia đình, tổ chức, cá nhân bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Điều 20. Hỗ trợ khác

1. Hộ có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước nếu phải di chuyển nhà ở thì được hỗ trợ với mức 3.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ gia đình thương binh, liệt sĩ (hộ đang trực tiếp thờ cúng) phải di chuyển nhà ở thì được hỗ trợ với mức 9.000.000 đồng/hộ.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở thuộc diện hộ nghèo (có sổ hộ nghèo) thì được hỗ trợ bằng tiền tương đương 30 kg gạo/tháng/hộ, thời gian hỗ trợ 60 tháng.

4. Đối với những hộ không trực tiếp sản xuất nông nghiệp (không có đất sản xuất) nếu phải di chuyển nhà ở đi nơi khác thì được hỗ trợ để ổn định đời sống với mức hỗ trợ 12 tháng. Mức hỗ trợ bằng tiền tương đương 30 kg gạo cho 01 nhân khẩu/tháng; giá gạo tính theo thời giá trung bình ở địa phương.

5. Hỗ trợ chi phí tôn tạo nền nhà

Trường hợp thửa đất có nhà ở bị thu hồi một phần đất ở, phải di chuyển nhà ở trong phạm vi thửa đất do bị giải tỏa trắng nhà ở (không đủ điều kiện tái định cư); hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi một phần đất nông nghiệp, phải di chuyển nhà ở trong phạm vi thửa đất (cắt nhà trên đất nông nghiệp, giải tỏa trắng nhà ở) phù hợp với quy hoạch khu dân cư thì được hỗ trợ chi phí tôn tạo nền nhà. Mức hỗ trợ bằng tiền bằng 60.000.000 đồng/hộ.

6. Hỗ trợ tái định cư không đủ điều kiện

Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện tái định cư cho các đối tượng:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi hết thửa đất nông nghiệp, có xây dựng nhà ở trước thời gian công bố quy hoạch xây dựng phải di chuyển chỗ ở mà không còn nơi ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi;

b) Hộ gia đình, cá nhân bị giải tỏa hết nhà ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất, có thường trú tại căn nhà bị ảnh hưởng, phải di chuyển chỗ ở mà không còn nơi ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi;

c) Mức hỗ trợ bằng 100.000.000 đồng/hộ;

d) Trường hợp đã được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi thì không được hưởng chính sách hỗ trợ tại khoản này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 21. Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và công tác cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi nhà nước thu hồi đất

1. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm lập dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án. Việc lập dự toán thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Nội dung chi, mức chi cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

a) Chi cho các công việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 4 Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 với mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

b) Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo chi thực tế, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, có hóa đơn chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

3. Nội dung chi, mức chi tổ chức thực hiện công tác cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất:

a) Chi thông báo, tuyên truyền vận động các đối tượng thực hiện quyết định cưỡng chế kiểm đếm, quyết định cưỡng chế thu hồi đất không quá 200.000 đồng/người/ngày.

b) Chi phục vụ công tác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất không quá 200.000 đồng/người/ngày.

c) Chi phí bảo vệ, chống tái chiếm đất sau khi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của thửa đất cưỡng chế thu hồi đến thời điểm hoàn thành việc giải phóng mặt bằng không quá 200.000 đồng/người/ngày.

d) Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng chống cháy nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất; Chi phí niêm phong, phá, tháo dỡ, vận chuyển tài sản; di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế, chi thuê địa điểm, nhân công, phương tiện bảo quản tài sản và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện bảo quản tài sản khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản không thanh toán; Chi cho công tác quay phim, chụp ảnh phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất; Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất chưa có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định: thực hiện theo chi thực tế, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, có hóa đơn chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết các vướng mắc liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với cơ quan có liên quan giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của người sử dụng đất có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án.

2. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của người sử dụng đất có liên quan đến bồi thường thực hiện dự án.

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết các vướng mắc liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn định mức chi, thanh, quyết toán trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi các cơ quan, đơn vị thực hiện có khó khăn, vướng mắc;

b) Phối hợp với Cục Thuế tỉnh giải quyết những vướng mắc về nghĩa vụ tài chính của người có đất thu hồi;

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan cân đối và điều chỉnh nguồn vốn ngân sách đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh phí cho bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nhu cầu xây dựng khu tái định cư thuộc các dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

b) Xác định sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh;

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

5. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

b) Phối hợp giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc về đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong lĩnh vực nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, chi phí hỗ trợ di dời cây trồng, vật nuôi. Giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc phát sinh thuộc ngành mình đảm nhiệm theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Hướng dẫn, xác định chỉ giới hành lang, phạm vi bảo vệ an toàn đối với công trình đê điều, thủy lợi, công trình chuyên ngành khác thuộc thẩm quyền quản lý; phạm vi đất nằm trong hành lang, phạm vi bảo vệ an toàn công trình phải giải phóng mặt bằng; phạm vi đất nằm trong hành lang, phạm vi bảo vệ an toàn công trình thiệt hại về đất do làm hạn chế sử dụng đất; mức độ hạn chế khả năng sử dụng đất, ảnh hưởng sinh hoạt (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành; chiều cao, loại, kết cấu của nhà, công trình xây dựng được phép tồn tại hoặc phải phá dỡ trong hành lang, phạm vi bảo vệ an toàn công trình để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì hướng dẫn, tham mưu giải quyết các vướng mắc về hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các đối tượng được hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, tổ chức xây dựng và thực hiện phương án đào tạo nghề, tạo việc làm cho các đối tượng bị thu hồi đất theo quy định; hướng dẫn việc đăng ký đào tạo, chuyển đổi nghề cho các đối tượng bị thu hồi đất có nhu cầu được đào tạo, học nghề;

b) Hướng dẫn, phối hợp, cung cấp thông tin về các đối tượng chính sách trong phạm vi thu hồi đất làm cơ sở cho việc xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đảm bảo đúng quy định;

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

8. Sở Giao thông vận tải:

a) Hướng dẫn, xác định chỉ giới hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình giao thông và các công trình chuyên ngành khác thuộc thẩm quyền quản lý của ngành; phạm vi đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn phải giải phóng mặt bằng; phạm vi đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình bị thiệt hại về đất do làm hạn chế sử dụng đất; mức độ hạn chế khả năng sử dụng đất, ảnh hưởng sinh hoạt (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành; chiều cao, loại, kết cấu của nhà, công trình xây dựng được phép tồn tại hoặc phải phá dỡ để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định;

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

9. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, xác định chỉ giới hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn đối với công trình an ninh, quốc phòng, công trình văn hóa, bảo tồn, di sản, công trình công cộng khác thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành, lĩnh vực; phạm vi đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn công trình phải giải phóng mặt bằng; phạm vi đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn bị thiệt hại về đất do làm hạn chế sử dụng đất; chiều cao, loại, kết cấu của nhà, công trình xây dựng được phép tồn tại hoặc phải phá dỡ nằm trong hành lang an toàn công trình để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định;

b) Tham gia, có ý kiến cụ thể về các giải pháp, quy chuẩn kỹ thuật đối với các công trình, thiết bị máy móc công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành;

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

10. Cục Thuế tỉnh:

a) Chỉ đạo Chi Cục thuế cấp huyện xác định mức thu nhập sau thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh; xác định các khoản nghĩa vụ tài chính mà chủ sử dụng đất chưa hoàn thành chuyên cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư làm cơ sở để lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định;

b) Chủ trì xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà người có đất thu hồi chưa hoàn thành hoặc phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp xác minh, cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu về việc trích lập khấu hao tài sản cố định, việc hạch toán, kê khai nghĩa vụ với nhà nước liên quan đến việc sử dụng hoặc không còn sử dụng tài sản cố định của người có đất, người có tài sản thu hồi và một số nội dung khác thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định;

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp thực tế phát sinh; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các trường hợp vượt thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cai Lậy, thành phố Gò Công và thành phố Mỹ Tho có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn phụ trách, phối hợp chặt chẽ với cơ quan cấp tỉnh trong quá trình thực hiện Quy định này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

